TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT.
Ngày: 11-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

- *Các Thẩm phán:* ông Hà Chí Quốc; ông Phan Thanh Tùng.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLKDTM-PT, ngày 13 tháng 7 năm 2023. Về: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ch, sinh năm 1966, địa chỉ: X1, Hẻm Y, Đường Hoàng Lê Kha, Khu phố Z, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ch: ông Đặng Thành Lê, sinh năm 1986, địa chỉ: 98/32A, đường Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch: Luật sư Nguyễn Đắc Minh Sơn - Công ty Luật TNHH MTV Nha Trang Sài Gòn; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956, địa chỉ: Số A, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố N, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Luật sư Nguyễn Thế Tân – Công ty Luật Đắc Tâm; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV DV-DL LĐS (gọi tắt là: Công ty LĐS).

Địa chỉ: Thửa 966, tờ bản đồ số 21, khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Tổng Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV DV-DL LĐS: Luật sư Nguyễn Thế Tân.

3. Người kháng cáo: bà Đoàn Thị Ch - Nguyên đơn.

4. Kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và đơn sửa chữa bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 21/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị Ch trình bày:

Bà Ch và ông N là vợ chồng kết hôn ngày 16/4/1989. Bà và ông N có thành lập Công ty LĐS. Trước đây Công ty do bà làm Chủ tịch Hội đồng thành viên và con gái của bà chị Nguyễn Thị Bảo Y là người đại diện theo pháp luật. Ngày 07/12/2009, Công ty LĐS thay đổi là bà vừa làm Chủ tịch Hội đồng thành viên vừa làm người đại diện theo pháp luật. Từ ngày 05/7/2010 đến nay, ông Nguyễn Văn N là Chủ tịch Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 02/7/2018, bà Ch và ông N thuận tình ly hôn theo Quyết định số 215/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản bằng Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng tài sản chung của vợ chồng để phân chia số 3756, quyển số 08.TP/CC-SCC/HĐGD. Trong đó, bà Ch và ông N là đồng sở hữu chung khối tài sản chung thuộc Công ty LĐS đang quản lý Khu du lịch LĐS với tổng diện tích 284.467,45m^2.

Ngày 17/11/2019, bà Ch và ông N ký Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHHTKD. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm quy định lại mục a khoản 1 Điều 3, khoản a Điều 4 của Hợp đồng, cụ thể có nhiều khoản chi từ 50.000.000 đồng trở lên nhưng ông N không có báo cáo và cũng không có bản dự trù sửa chữa, bảo trì, thay mới gửi cho bà Ch; các khoản chi từ năm 2020 đến nay bà Ch có ngăn cản việc chi xây dựng và cũng có gửi văn bản yêu cầu đình chỉ việc xây dựng nhưng ông N không đồng ý làm ảnh hưởng quyền lợi của bà.

Ngoài ra, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh bà Ch được tạm ứng trước lợi nhuận hàng tháng là 200.000.000 đồng, việc ứng trước lợi nhuận nên không phụ thuộc vào kinh doanh có lãi hay không vì tiền lãi thì đến cuối năm mới xác định được, từ tháng 4/2020 đến nay ông N thực hiện không đúng.

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2022, bà Ch yêu cầu:

- Phân chia quyền quản lý và điều hành Công ty LĐS, cụ thể:

+ Ông N điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh Công ty, bà quản lý tài chính các khoản thu, chi trong hoạt động kinh doanh Công ty.

- Yêu cầu hủy Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 được ký kết giữa ông N và bà Ch.

- Yêu cầu ông N chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền lỗ đã xảy ra trong thời gian điều hành từ tháng 4/2020 cho đến ngày tạm tính 28/02/2022 là 5.849.691.127 đồng.

- Yêu cầu thanh toán cho bà Ch tiền lợi nhuận mà bà được chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng từ tháng 4/2020 đến ngày 18/10/2022 khoảng 22 tháng (đã khấu trừ 08 tháng dịch Covid) với số tiền là 4.400.000.000 đồng.

* Tại Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/11/2022, bà Ch sửa đổi yêu cầu khởi kiện rút lại các yêu cầu sau: không yêu cầu phân chia quyền quản lý và điều hành Công ty LĐS và không yêu cầu hủy Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019. Ngoài ra, bà Ch không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N xác định giữa ông với bà Ch có ký Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 với tư cách cá nhân, không ký với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty LĐS.

Ông không đồng ý việc bà Ch yêu cầu phân chia lợi nhuận vì theo quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 3 Hợp đồng quy định về việc tạm ứng trước lợi nhuận phải được hiểu là kinh doanh có lãi thì mới tạm ứng lợi nhuận. Năm 2019 và 03 tháng đầu năm 2020 ông vẫn thực hiện ứng tiền cho bà Ch theo hợp đồng là vì còn nguồn quỹ của vợ chồng trước đây. Từ tháng 4/2020 đến nay, do Công ty LĐS kinh doanh chưa có lãi. Tuy năm 2022 Công ty LĐS kinh doanh bắt đầu có lãi nhưng do các năm trước chuyển lỗ luỹ kế nên tính đến nay vẫn chưa có lãi. Do đó, Công ty LĐS không thể chi tiền tạm ứng lợi nhuận cho bà Ch. Ông N cũng không đồng ý việc bà Ch yêu cầu ông phải chịu trách nhiệm đối với khoản lỗ của Công ty vì việc kinh doanh bị lỗ là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 là sự kiện khách quan, bất khả kháng. Ông N không phải là người chịu trách nhiệm chi tạm ứng lợi nhuận cho bà Ch mà Công ty LĐS mới là người phải chịu trách nhiệm chi lợi nhuận nếu kinh doanh có lãi.

Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ông N vẫn tôn trọng, không có lỗi khi thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, nay bà Ch yêu cầu hủy thì ông N đồng ý hủy hợp đồng, ông không có yêu cầu gì thêm.

Đối với các khoản chi mà bà Ch trình bày là các khoản chi cộng chung nguyên tháng, không phải chi một lần khoản tiền lớn nên không thể báo cáo như bà Ch yêu cầu. Công ty LĐS là công ty du lịch nên không thể không đầu tư sửa chữa, chi xây dựng. Thời điểm dịch bệnh có mời bà Ch làm việc nhưng bà Ch không nhận giấy cũng không đến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đại diện Công ty Công ty LĐS trình bày:

Công ty LĐS không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Từ tháng 4/2020 đến nay là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên việc khai thác kinh doanh khu du lịch LĐS gặp nhiều khó khăn, thua lỗ. Đây là nguyên nhân khách quan không phải do lỗi của cá nhân ông.

Việc thỏa thuận số tiền tạm ứng lãi nếu có nhưng do Công ty LĐS kinh doanh tính đến nay vẫn đang còn bị lỗ, chưa có lãi nên bà Ch yêu cầu chi tạm ứng lãi là không có căn cứ.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã xử:

Căn cứ các Điều 4, 504, 505, 507 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 92, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch đối với ông Nguyễn Văn N về việc *"Tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh, yêu cầu phân chia lợi nhuận"*: Tuyên bố hủy Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 được ký kết giữa bà Đoàn Thị Ch và ông Nguyễn Văn N.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc: yêu cầu ông N chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền lỗ đã xảy ra trong thời gian điều hành từ tháng 4/2020 cho đến ngày tạm tính 28/02/2022 là 5.849.691.127 đồng và yêu cầu ông N thanh toán cho bà Ch tiền lợi nhuận mà bà Ch được chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 từ tháng 4/2020 đến ngày 18/10/2022 khoảng 22 tháng (đã khấu trừ 08 tháng dịch Covid) với số tiền là 4.400.000.000 đồng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc yêu cầu phân chia quyền quản lý và điều hành Công ty TNHH MTV DV-DL LĐS.

- Ngoài ra, Toà án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 19/6/2023, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng kinh tế. Ông N phải bàn giao lại con dấu của Công ty LĐS cho bà Ch. Yêu cầu Công ty LĐS phải chuyển trả số tiền mà bà Ch đã chuyển khoản cho công ty. Ông N có trách nhiệm tạo điều kiện để bà Ch thực hiện các quyền của thành viên công ty, như cập nhật tên trong danh sách thành viên công ty, đổi hình thức Công ty trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thành lập Ban kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi để bà Ch tham gia hoạt động điều hành, kinh doanh công ty. Cá nhân ông N phải thanh toán tiền tạm ứng trước lợi nhuận hàng tháng là 200 triệu đồng cho bà Ch tạm tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 6 tỷ 480 triệu đồng.

- Ngày 05/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM đề nghị huỷ án sơ thẩm. Lý do: cấp sơ thẩm tuyên huỷ hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông N và bà Ch nhưng không giải quyết hậu quả theo quy định tại Điều 512, 427 của Bộ luật dân sự.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM ngày 05/7/2023.

* Phần tranh luận:

- Anh Lê trình bày: thống nhất quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị huỷ án sơ thẩm; do cấp sơ thẩm tuyên huỷ hợp đồng nhưng không giải quyết hậu quả cho bà Ch gồm chia toàn bộ tài sản của Công ty LĐS.

- Yêu cầu ông N phải trả cho bà Ch tiền lợi nhuận hàng tháng 200.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.400.000.000 đồng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch – Luật sư Nguyễn Đắc Minh Sơn trình bày:*

- Để thuận lợi cho việc giải quyết hậu quả của hợp đồng đề nghị Toà án mời kiểm toán độc lập để xác định hợp đồng kinh doanh có lãi hay lỗ, chứ dựa trên báo cáo thuế là không chính xác.

Ông N phải tạo điều kiện để Ch tham gia hoạt động điều hành công ty LĐS.

Đề nghị huỷ án sơ thẩm, nếu không huỷ thì đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và Công ty LĐS – Luật sư Nguyễn Thế Tân trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện bà Ch có 04 yêu cầu như bản án sơ thẩm đã nêu. Tại Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/11/2022 bà Ch rút lại hai yêu cầu đó là: không yêu cầu phân chia quyền quản lý và điều hành Công ty LĐS và không yêu cầu hủy Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019. Tại phiên toà sơ thẩm bà Ch đề nghị huỷ hợp đồng và được ông N đồng ý.

Tại đơn kháng cáo của bà Ch nhận thấy vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ch

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát đã vi phạm Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đó là không gửi quyết định kháng nghị cho đương sự. Tuy nhiên, kháng nghị này cũng không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Ông N không tranh luận.

- Luật sư Sơn không tranh luận thêm.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát đã gửi cho các đương sự qua đường bưu chính nên không vi phạm.

- Đối với kháng nghị của *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp sơ thẩm tuyên huỷ hợp đồng hợp tác kinh doanh là không đúng quy định tại Điều 423 của Bộ luật dân sự mà phải tuyên chấm dứt hợp đồng theo như thoả thuận của các bên phù hợp tại Điều 512 của Bộ luật dân sự và phải giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 512 của Bộ luật dân sự mới đúng quy định của pháp luật và bảo đảm giải quyết triệt để vụ án.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; huỷ toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Đối với kháng cáo của nguyên đơn không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm phù hợp tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng hợp tác kinh doanh là án kinh doanh thương mại là không chính xác, bởi lẽ: Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch LĐS được thành lập từ năm 2009 là doanh nghiệp tư nhân thuộc sở hữu của vợ chồng ông N, bà Ch do ông N đại diện theo pháp luật trực tiếp quản lý điều hành kinh doanh đến nay. Ngày 02/7/2018, ông N bà Ch ly hôn nhưng toàn bộ tài sản là số vốn tại Công ty LĐS vợ chồng thoả thuận không phân chia. Ngày 17/11/2019, Ông N và bà Ch ký kết hợp hợp tác kinh doanh mục đích chia lợi nhuận kinh doanh Công ty LĐS, các bên đương sự đều xác nhận việc ký hợp đồng là giữa hai cá nhân với nhau chứ không phải pháp nhân ký với cá nhân hay cá nhân có đăng ký kinh doanh ký với cá nhân nên vụ án này không thuộc các trường hợp vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là Hợp đồng hợp tác kinh doanh phù hợp tại Điều 504 của Bộ luật dân sự nên là quan hệ tranh

chấp dân sự được giải quyết theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại loại án cho phù hợp.

[1.4] Tại phiên toà sơ thẩm bà Ch và ông N thoả thuận huỷ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 lẽ ra Toà án phải tuyên công nhận sự thoả thuận của các đương sự về huỷ hợp đồng (hay chấm dứt hợp đồng) nhưng lại tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về huỷ hợp đồng là không đúng theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: bà Ch *y*êu cầu hủy Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 được ký kết giữa ông N và bà Ch. Yêu cầu ông N chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền lỗ đã xảy ra trong thời gian điều hành từ tháng 4/2020 cho đến ngày tạm tính 28/02/2022 là 5.849.691.127 đồng. Yêu cầu thanh toán cho Bà Ch tiền lợi nhuận mà bà Ch được chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 từ tháng 4/2020 đến ngày 18/10/2022 khoảng 22 tháng (đã khấu trừ 08 tháng dịch Covid) với số tiền là 4.400.000.000 đồng. Ông N và Công ty LĐS cho rằng việc kinh doanh bị lỗ không chấp nhận yêu cầu của bà Ch.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả khi huỷ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 giữa bà Ch và ông N thấy rằng: trong quá trình giải quyết ban đầu bà Ch yêu cầu huỷ hợp đồng, sau đó tại các biên bản đối chất bà không yêu cầu huỷ hợp đồng, tại phiên toà sơ thẩm bà và ông N thoả thuận huỷ hợp đồng và không có yêu cầu giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng. Do đó, cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng là có căn cứ. Yêu cầu này nếu có phát sinh được giải quyết bằng vụ án khác về chia tài sản chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định về chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật dân sự.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu Công ty LĐS phải chuyển trả cho bà Ch số tiền mà bà Ch đã chuyển khoản cho công ty. Thấy rằng, trong đơn khởi kiện (Bút lụt số 24, 38) bà Ch không yêu cầu Công ty LĐS phải chuyển trả cho bà số tiền mà bà đã chuyển cho Công ty LĐS là bao nhiêu? nên cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này. Do đó, kháng cáo của bà Ch về yêu cầu này cấp phúc thẩm không xem xét là có căn cứ.

[3.3] Đối với kháng cáo yêu cầu ông N có trách nhiệm tạo điều kiện cho bà Ch thực hiện các quyền của thành viên công ty, đổi hình thức Công ty trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thành lập Ban kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi để bà Ch tham gia hoạt động điều hành, kinh doanh công ty (gọi chung là phân chia quyền quản lý điều hành công ty). Tại phiên toà sơ thẩm, bà Ch rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu của bà Ch là tự nguyện nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là phù hợp tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bà Ch về yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4]. Đối với yêu cầu ông N phải thanh toán tạm ứng cho bà Ch tiền lợi nhuận mỗi tháng 200.000.000 đồng mà bà Ch được chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 từ tháng 4/2020 đến ngày 18/10/2022 khoảng 22 tháng (đã khấu trừ 08 tháng dịch Covid) với số tiền là 4.400.000.000 đồng và tính đến thời gian xét xử phúc thẩm số tiền là 6.480.000.000 đồng. Thấy rằng, tại điểm b khoản 2 Điều 3 Hợp đồng nêu trên cũng quy định về quyền lợi của bên B (bà Ch) như sau: "Được tạm ứng trước lợi nhuận hàng tháng là: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tính từ tháng 01/2019. Số tiền lợi nhuận còn lại (nếu có) sẽ dùng vào tái đầu tư và đầu tư mới hoặc được chia theo tỷ lệ". Như vậy, theo hợp đồng thì giữa ông N và bà Ch đều có về quyền được tạm ứng trước lợi nhuận. Do đó, cách giải thích hợp đồng của ông N về việc ông N không phải là người có nghĩa vụ chi trả tạm ứng lợi nhuận mà Công ty LĐS (tính tới thời điểm giải quyết do ông N làm người đại diện theo pháp luật) mới có nghĩa vụ chi trả lợi nhuận. Mặt khác, căn cứ vào các báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021, 2022 đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án từ cơ quan thuế khu vực thành phố Tây Ninh – Châu Thành thể hiện Công ty LĐS kinh doanh chưa có lãi. Cụ thể: Năm 2019: lỗ 1.003.593.639 đồng, năm 2020: lỗ: 2.655.851.054 đồng, năm 2021: lỗ 1.728.574.689 đồng và năm 2022: lãi 2.447.494.209 đồng. Luỹ kế các khoản lỗ của năm 2019-2022 thì Công ty hoạt động chưa có lãi nên ông N không chi trả tạm ứng lợi nhuận cho bà Ch là có cơ sở. Do đó, bà Ch yêu cầu ông N phải thanh toán tạm ứng lợi nhuận cho bà số tiền 4.400.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà Ch là có căn cứ. Kháng cáo của bà Ch không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thấy rằng, cấp sơ thẩm huỷ hợp đồng hợp tác kinh doanh là không đúng quy định tại Điều 423 của Bộ luật dân sự mà phải tuyên chấm dứt hợp đồng theo như thoả thuận của các bên phù hợp tại Điều 512 của Bộ luật dân sự hai khái niệm này tuy khác nhau nhưng có cùng ý nghĩa là Hợp đồng này các đương sự thoả thuận chấm dứt, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về cách tuyên và như phân tích tại mục [1.4] của bản án này thì tại phiên toà các đương sự thoả thuận chấm dứt hợp đồng và không có yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng và tại khoản 3 Điều 506 của Bộ luật dân sự quy định "Không được phân chia tài sản chung trước khi chấm dứt hợp đồng hợp tác, trừ trường hợp tất cả các thành viên hợp tác có thỏa thuận" trong trường hợp này các bên đương sự không có thoả thuận chia tài sản chung nên cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng là có căn cứ (yêu cầu này phát sinh sau khi Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử). Cấp sơ thẩm không vi phạm khoản 2 Điều 512 Điều 427 của Bộ luật dân sự. Do đó, kháng nghị đề nghị huỷ sơ thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do xác định lại loại vụ án tranh chấp là quan hệ dân sự nên tiền án phí được tính lại như sau:

[6.1] Bà Ch và ông N mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu thoả thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số tiền 150.000 đồng.

[6.2] Bà Ch phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được toà án chấp nhận cụ thể: số tiền không được chấp nhận là 4.400.000.000 đồng phải chịu án phí là 112.000.000 đồng + (400.000.000 đồng x 0,1%) = 112.400.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH. Hai khoản án phí bà Ch phải chịu là 112.550.000 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ch phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Ch.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM ngày 05/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa một phần Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ các Điều 504, 505, 507 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 147, 244, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thoả thuận của bà Đoàn Thị Ch đối với ông Nguyễn Văn N về chấm dứt Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 được ký kết giữa bà Đoàn Thị Ch và ông Nguyễn Văn N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch đối với ông Nguyễn Văn N về yêu cầu ông N chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền lỗ đã xảy ra trong thời gian điều hành từ tháng 4/2020 cho đến ngày tạm tính 28/02/2022 là 5.849.691.127 đồng và yêu cầu ông N thanh toán cho bà Ch tiền lợi nhuận mà bà Ch được chia theo thỏa thuận trong Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 17/11/2019 từ tháng 4/2020 đến ngày 18/10/2022 khoảng 22 tháng (đã khấu trừ 08 tháng dịch Covid) với số tiền là 4.400.000.000 đồng.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc yêu cầu phân chia quyền quản lý và điều hành Công ty TNHH MTV DV-DL LĐS.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Đoàn Thị Ch phải chịu án phí sơ thẩm tổng cộng là 112.550.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ch đã nộp 62.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0001424 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Bà Ch còn phải nộp số tiền 50.350.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

4.2. Ông N phải chịu án phí sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đoàn Thị Ch phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Ch đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0002203 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho bà Ch số tiền 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TPTN;
- VKS TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm